

Số: 740 /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 05 tháng 5 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác  
hệ thống thông tin đất đai tỉnh Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình tại Tờ trình số 128/TTr-STNMT ngày 21 tháng 4 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Hòa Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2017.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN (K28).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**QUY CHẾ**  
**QUẢN LÝ VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC**  
**HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI TỈNH HÒA BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, cập nhật và khai thác sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Hòa Bình.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh; Các cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường; Các cơ quan quản lý nhà nước; Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Hệ thống thông tin đất đai: Hệ thống thông tin đất đai là hệ thống bao gồm một phần hoặc toàn bộ các thành phần phần cứng (máy tính và thiết bị ngoại vi, hệ thống mạng, thiết bị lưu trữ, thiết bị an toàn an ninh), phần mềm, cơ sở dữ liệu đất đai để xử lý, lưu trữ, phân phối thông tin đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai, công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, tổ chức và nhu cầu của người sử dụng đất. Dữ liệu của hệ thống thông tin đất đai có thể bao gồm dữ liệu gốc và các dữ liệu từ nguồn khác.

2. Dữ liệu: là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.

3. Cơ sở dữ liệu đất đai: là tập hợp thông tin có cấu trúc của dữ liệu địa chính, dữ liệu quy hoạch sử dụng đất, dữ liệu giá đất, dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thường xuyên bằng phương tiện điện tử.

4. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin: là tập hợp thiết bị (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ, mạng nội bộ, mạng diện rộng.

5. Công thông tin đất đai là điểm truy cập duy nhất của cơ quan quản lý đất đai trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng về đất đai mà qua đó người dùng có thể truy cập, khai thác thông tin về đất đai.

6. Chia sẻ dữ liệu: là hoạt động làm cho dữ liệu có sẵn được sử dụng lại bởi các đối tượng sử dụng khác.

Chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước là hoạt động cung cấp dữ liệu của một cơ quan, tổ chức đã được thu thập, tạo ra (dữ liệu này có thể là dữ liệu gốc hoặc không phải là dữ liệu gốc) cho các cơ quan, tổ chức khác để sử dụng lại. Các cơ quan nhà nước có thể chia sẻ dữ liệu cho nhau theo các hình thức khác nhau như: cung cấp tệp dữ liệu điện tử, chuyển dữ liệu điện tử giữa các hệ thống thông tin theo thẩm quyền.

#### **Điều 4. Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Hòa Bình**

Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Hòa Bình bao gồm các thành phần cơ bản sau đây:

1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

2. Hệ thống phần mềm để vận hành, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai bao gồm: Hệ điều hành; Hệ quản trị cơ sở dữ liệu; Phần mềm ứng dụng và các phần mềm hỗ trợ khác.

3. Cơ sở dữ liệu đất đai bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật về đất đai;
- Cơ sở dữ liệu địa chính;
- Cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản về đất đai;
- Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Cơ sở dữ liệu giá đất;
- Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai;
- Cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai;
- Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

Cơ sở dữ liệu địa chính là thành phần cơ bản của cơ sở dữ liệu đất đai, làm cơ sở để xây dựng và định vị không gian các cơ sở dữ liệu thành phần khác.

4. Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện theo quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu địa chính, chuẩn dữ liệu quy hoạch sử dụng đất, chuẩn dữ liệu giá đất và chuẩn dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

**Điều 5. Hệ thống phần mềm ứng dụng cho việc xây dựng, quản lý, khai thác, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai**

Thống nhất lựa chọn phần mềm ELIS để phục vụ xây dựng, cập nhật và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hòa Bình.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì nâng cấp, điều chỉnh hệ thống phần mềm cho phù hợp với các quy định mới của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Việc quản lý, vận hành, khai thác và truy xuất thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hòa Bình phải được thực hiện thông qua hệ thống phần mềm ELIS.

#### **Điều 6. Mô hình triển khai hệ thống thông tin đất đai tỉnh Hòa Bình**

Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Hòa Bình được xây dựng và triển khai để quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hòa Bình theo mô hình tập trung tại cấp tỉnh, cụ thể như sau:

1. Cơ sở dữ liệu đất đai được lưu trữ, quản lý thống nhất tại Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường truy cập vào cơ sở dữ liệu đất đai thông qua mạng diện rộng (WAN) để khai thác, cập nhật thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố truy cập vào cơ sở dữ liệu đất đai thông qua mạng diện rộng (WAN) hoặc mạng Internet để khai thác, cập nhật thông tin đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có điều kiện công nghệ thì truy cập vào cơ sở dữ liệu đất đai thông qua mạng Internet để khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý đất đai ở địa phương.

5. Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu đất đai thông qua mạng diện rộng (WAN) hoặc mạng Internet để cung cấp, khai thác thông tin phục vụ yêu cầu công tác tại địa phương thuộc thẩm quyền theo quy định;

6. Các tổ chức khác và cá nhân có nhu cầu sử dụng thông tin thì tra cứu thông qua mạng Internet.

## **Chương II THIẾT LẬP VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI**

#### **Điều 7. Thiết lập và hướng dẫn vận hành hệ thống thông tin đất đai**

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin đất đai, hướng dẫn cho các đơn vị có liên quan vận hành, cập nhật thông tin cho hệ thống.

1. Thiết lập hệ thống thông tin đất đai theo đúng mô hình triển khai đã được phê duyệt, hướng dẫn các đơn vị có liên quan đưa hệ thống vào vận hành khai thác:

Thiết lập hạ tầng bao gồm hệ thống máy chủ, đường truyền, hệ thống cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức đào tạo, triển khai hướng dẫn sử dụng hệ thống cho các đơn vị có liên quan đến vận hành khai thác hệ thống thông tin đất đai.

2. Thiết lập cơ sở dữ liệu ban đầu cho hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai:

Tổ chức kiểm tra cơ sở liệu đất đai theo đơn vị hành chính cấp xã do các đơn vị tư vấn thi công xây dựng. Yêu cầu các đơn vị làm nhiệm vụ xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu theo đơn vị hành chính cấp xã phải có trách nhiệm kiểm tra, rà soát lại toàn bộ thông tin đã được phát hiện, chỉnh sửa và cập nhật vào hiện trạng hồ sơ địa chính trước khi nhập chính thức vào cơ sở dữ liệu đất đai.

Tổ chức tích hợp các cơ sở dữ liệu đất đai cấp xã thành cơ sở dữ liệu đất đai cấp huyện (Quy chủ, ghép biên các xã), trước khi chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh.

Ngay sau khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh, phải tổ chức đưa hệ thống vào vận hành, đảm bảo các biến động tiếp theo được thực hiện trực tiếp trên hệ thống cơ sở dữ liệu thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng.

### **Điều 8. Đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, an ninh, an toàn hệ thống**

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức vận hành hệ thống thông tin đất đai đảm bảo tính ổn định thường xuyên, liên tục, đảm bảo an ninh hệ thống, an toàn dữ liệu.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm duy trì hệ thống máy chủ được hoạt động ổn định, thường xuyên, liên tục, đường truyền được vận hành ổn định, thông suốt, đảm bảo an ninh dữ liệu, an toàn mức vật lý đối với hệ thống thông tin đất đai;

- Đảm bảo đường truyền kết nối từ Trung tâm Công nghệ thông tin tới các đơn vị sử dụng hệ thống được hoạt động thông suốt, ổn định, liên tục;

- Đảm bảo an toàn công tác phòng cháy, chữa cháy và các biện pháp phòng ngừa khác để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho phòng hệ thống máy chủ cơ sở dữ liệu;

- Tổ chức phân quyền truy cập dữ liệu, sử dụng các chức năng của hệ thống phần mềm cho các cơ quan đơn vị và các cá nhân, tổ chức có liên quan theo chức năng nhiệm vụ và quy định của pháp luật;

- Tổ chức sao lưu dữ liệu định kỳ hoặc đột xuất để phòng tránh trường hợp sai, hỏng, mất dữ liệu trong quá trình quản lý, sử dụng;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý các sự cố trong quá trình vận hành. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống, bằng mọi biện pháp phối hợp với các đơn vị liên quan khắc phục sự cố, đưa hệ thống vận hành trở lại trong thời gian sớm nhất;

- Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai cho các cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường; công chức địa chính xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành nâng cấp, bảo trì hệ thống thông tin đất đai khi có nhu cầu.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tỉnh được phép sử dụng hệ thống thông tin đất đai có trách nhiệm vận hành hệ thống theo đúng quy định, đảm bảo an ninh an toàn dữ liệu và tính bảo mật của hệ thống theo quy tắc:

- Chỉ sử dụng hệ thống thông tin đất đai, truy xuất dữ liệu từ hệ thống thông tin đất đai trong phạm vi cho phép và phục vụ vào các mục đích theo đúng quy định;

- Ban hành các quy tắc hành chính trong nội bộ đơn vị về các bí mật, hoạt động liên quan đến hệ thống thông tin đất đai trong phạm vi được phân công của đơn vị. Quy định rõ trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân trong các trường hợp xảy ra mất dữ liệu, hỏng hóc hệ thống hoặc lộ thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan khắc phục sự cố trong quá trình vận hành, khai thác.

### **Điều 9. Trách nhiệm cập nhật dữ liệu cho hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai**

Việc thực hiện cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu đất đai được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định của pháp luật hiện hành.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý biến động cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm cung cấp các thông tin dữ liệu liên quan đến cơ sở dữ liệu đất đai cho Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật, chỉnh lý biến động theo quy định.

### **Điều 10. Trách nhiệm kiểm duyệt dữ liệu được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm kiểm duyệt các thông tin được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai và đảm bảo lưu vết (log) hệ thống của toàn bộ các quá trình cập nhật dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp

tính. Là đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất về tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Các đơn vị trực cung cấp thông tin dữ liệu để cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối với các nội dung cung cấp.

### **Chương III** **KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI**

#### **Điều 11. Nguyên tắc quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai**

Việc khai thác hệ thống thông tin đất đai tỉnh Hòa Bình phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan;
- Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng;
- Bảo đảm tính cập nhật, đầy đủ và có hệ thống;
- Sử dụng dữ liệu đúng mục đích;
- Khai thác và sử dụng dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính;
- Tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

#### **Điều 12. Các hình thức khai thác thông tin từ hệ thống thông tin đất đai**

Việc khai thác thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Truy xuất trực tiếp vào hệ thống cơ sở dữ liệu, thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng ELIS trên hạ tầng mạng LAN, WAN, hoặc hệ thống mạng chuyên dùng: Dành cho các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, các UBND các huyện, thành phố nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh.

2. Khai thác thông tin trên mạng Internet được thực hiện thông qua Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh như: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Cục Thuế tỉnh ... có nhu cầu khai thác chia sẻ thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai (Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ cấp tài khoản và phân quyền khai thác cụ thể cho các cơ quan theo yêu cầu); phục vụ nhu cầu khai thác thông tin đất đai của người dân, cá nhân, tổ chức xã hội khi có nhu cầu.

3. Cung cấp thông tin thông qua hệ thống tổng đài nội dung số: Nhằm phục vụ việc cung cấp thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cho các cá nhân tổ chức có nhu cầu.

**Điều 13. Nội dung thông tin được khai thác, cung cấp từ hệ thống thông tin đất đai**

Tùy theo đối tượng khai thác thì nội dung thông tin được cung cấp từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai phải phù hợp với quy định của pháp luật:

1. Đối tượng khai thác là các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, cán bộ địa chính các xã, phường, thị trấn: Nội dung thông tin được khai thác theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định của pháp luật.

2. Đối tượng khai thác là các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh: Nội dung thông tin được khai thác theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Đối với đối tượng khai thác là các cá nhân, tổ chức trong và ngoài tỉnh: Nội dung thông tin được cung cấp theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 14. Quy định về phí và lệ phí đối với các nội dung thông tin được khai thác, cung cấp từ hệ thống thông tin đất đai**

Các tổ chức và cá nhân khai thác thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai phải nộp phí khai thác thông tin đất đai theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

1. Các đối tượng khai thác là các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh được khai thác miễn phí thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai để phục vụ nhu cầu quản lý nhà nước theo nội dung thông tin và hình thức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 của Quy chế này.

2. Các đối tượng khai thác là cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh phải trả phí, lệ phí khai thác thông tin đất đai theo quy định. Nội dung thông tin và hình thức khai thác theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 và Khoản 3 Điều 13 của Quy chế này. Mức thu cụ thể đối với từng nội dung thông tin và hình thức khai thác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 15. Phối hợp cung cấp nội dung thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai**

Các đối tượng khai thác thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai theo nội dung và hình thức được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này chỉ được sử dụng theo đúng mục đích, nghiêm cấm cung cấp lại cho bên thứ 3 mà chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức cung cấp thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu dưới nhiều hình thức đa dạng hơn, thuận tiện hơn và phù hợp với quy định của pháp luật.



**Điều 16. Sử dụng nguồn kinh phí thu được thông qua cung cấp nội dung thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai**

Nguồn kinh phí thu được thông qua thu phí, lệ phí của việc khai thác nội dung thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, một phần được sử dụng để phục vụ việc bảo trì, duy trì vận hành và cập nhật dữ liệu cho hệ thống, phần còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước, theo quy định cụ thể của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hàng năm, các đơn vị có liên quan trình kế hoạch và dự toán chi tiết cho việc bảo trì, duy trì vận hành và cập nhật dữ liệu cho hệ thống trình chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết cho việc cập nhật, chỉnh lý dữ liệu, bảo trì và duy trì vận hành hệ thống.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan quản lý nhà nước khác trên địa bàn tỉnh lập kế hoạch và dự toán chi tiết cho việc xây dựng, tổng hợp thông tin dữ liệu để cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương, quản lý chuyên ngành.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện, tổng hợp kế hoạch và dự toán công tác bảo trì, duy trì vận hành và cập nhật dữ liệu cho hệ thống thông tin đất đai tỉnh Hòa Bình trình chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

**Chương IV  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17. Hướng dẫn thi hành**

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

**Điều 18. Xử lý vi phạm**

1. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. Cán bộ, công chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn, có hành vi vi phạm Quy chế thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**